TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST
Ngày 25/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nguyên

Ông Trần Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2019/TLST-DS ngày 18/6/2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-DS ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-DS ngày 09/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Tấn Đăng K – Chuyên viên phụ trách xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Ninh Thuận là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018, Quyết định ủy quyền số 400/QĐ-BIDV.NT ngày 26/11/2018).

Địa chỉ: Số 138 đường 21 tháng 8, phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Xuân Nguyên K, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn S 02, xã T. TP. P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Xuân Nguyên K đã vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ– Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số I485/01/2016/HĐTD ngày 23/12/2016, số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 10%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất hiện nay: 11.5%/năm; kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 2.150.000 đồng (trả gốc và lãi). Từ thời điểm vay đến ngày 08/6/2018 ông Phạm Xuân Nguyên K đã trả được 26.972.745 đồng tiền gốc và 15.581.255 đồng tiền lãi. Từ 09/6/2018 đến nay ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25/10/2019 ông Phạm Xuân Nguyên K còn nợ Ngân hàng số tiền 85.043.893 đồng, trong đó tiền gốc: 73.027.255 đồng, tiền lãi: 12.016.638đồng.

Hợp đồng thứ hai: Hợp đồng tín dụng số 2736615/HĐ ngày 14/7/2017 (hợp đồng cấp hạn mức thấu chi), số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 10.5%/năm (tại thời điểm vay), nợ lãi được trả vào ngày 28 hàng tháng, nợ gốc được trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của bên vay và được Ngân hàng tự động hạch toán thu nợ. Đến hạn kết thúc hợp đồng ngày 14/8/2018 ông K còn nợ 19.850.000 đồng tiền gốc và 2.890.160 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/10/2019 ông Phạm Xuân Nguyên K còn nợ Ngân hàng số tiền 24.185.240đồng, trong đó tiền gốc: 19.850.000 đồng và tiền lãi: 4.335.240 đồng.

Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Xuân Nguyên K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số I485/01/2016/HĐTD ngày 23/12/2016 tính đến ngày 25/10/2019 là 85.043.893 đồng, trong đó tiền gốc: 73.027.255 đồng, tiền lãi: 12.016.638đồng.

Buộc ông Phạm Xuân Nguyên K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 2736615/HĐ ngày 14/7/2017 tính đến ngày 25/10/2019 là 24.185.240 đồng, trong đó 19.850.000 đồng tiền gốc và 4.335.240 đồng tiền lãi.

Buộc ông Phạm Xuân Nguyên K phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 26/10/2019 cho đến khi trả hết vợ vay theo lãi suất đã được ký kết trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Xuân Nguyên K vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự,

còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Xuân Nguyên K phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số I485/01/2016/HĐTD ngày 23/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2736615/HĐ ngày 14/7/2017. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn S 02, xã T, TP. P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, ông K đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng số I485/01/2016/HĐTD ngày 23/12/2016, Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) ngày 23/12/2016 thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của ông Phạm Xuân Nguyên K. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 23/12/2016 ông Phạm Xuân Nguyên K có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Ninh Thuận số tiền số tiền vay 100.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 10%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 2.150.000 đồng (trả gốc và lãi). Tính từ thời điểm vay đến ngày 08/6/2018 ông Phạm Xuân Nguyên K đã trả được 26.972.745 đồng tiền gốc và 15.581.255 đồng tiền lãi.

Đến hạn trả nợ ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 4 của Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày

28/3/2018 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc phải trả hàng tháng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng dụng 2010. Tính đến ngày 25/10/2019 ông Phạm Xuân Nguyên K còn nợ Ngân hàng số tiền 85.043.893 đồng, trong đó tiền gốc: 73.027.255 đồng, tiền lãi: 12.016.638đồng.

[2.2] Đối với hợp đồng tín dụng số 2736615/HĐ ngày 14/7/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của ông Phạm Xuân Nguyên K, bảng sao kê tài khoản thanh toán khách hàng. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 14/7/2017 ông Phạm Xuân Nguyên K có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Ninh Thuận (theo dạng hợp đồng cấp hạn mức thấu chi) số tiền số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 10.5%/năm (tại thời điểm vay), nợ lãi được trả vào ngày 28 hàng tháng, nợ gốc được trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của bên vay và được Ngân hàng tự động hạch toán thu nợ. Đến hạn kết thúc hợp đồng ngày 14/7/2018 ông K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với Điều 5 của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 25/10/2019 ông Phạm Xuân Nguyên K còn nợ Ngân hàng số tiền 24.185.240 đồng, trong đó 19.850.000 đồng tiền gốc và 4.335.240 đồng tiền lãi.

[2.3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Phạm Xuân Nguyên K vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Buộc ông Phạm Xuân Nguyên K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số I485/01/2016/HĐTD ngày 23/12/2016) số tiền: 85.043.893 đồng, (tám mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm chin mươi ba đồng) trong đó tiền gốc: 73.027.255 đồng, tiền lãi: 12.016.638đồng.

Buộc ông Phạm Xuân Nguyên K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (theo hợp đồng tín dụng số 2736615/HĐ ngày 14/7/2017) số tiền 24.185.240 đồng (hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm bốn mươi đồng), trong đó 19.850.000 đồng tiền gốc và 4.335.240 đồng tiền lãi.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Xuân Nguyên K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà ông Phạm Xuân Nguyên K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

4. Về án phí: Ông Phạm Xuân Nguyên K phải chịu 5.461.000 đồng (năm triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền: 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019664 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng